



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY & CÁP ĐIỆN TRẦN PHÚ

CÁP ĐIỆN HẠ THỂ

(Thời gian áp dụng: từ ngày 01/07/2021)

Tiêu chuẩn áp dụng: -TCVN 5935-1 (IEC 60502-1), TCVN 6612 (IEC 60228).

Điện áp sử dụng: 0,6/1kV

"Khách hàng có thể đặt hàng các chủng loại sản phẩm không có trong bảng giá"

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				ĐVT	Đơn giá	
		Dây pha		Trung tính			Chưa bao gồm VAT (10%)	Bao gồm VAT (10%)
		Số sợi	DK/Kiểu ruột dẫn	Số sợi	DK/Kiểu ruột dẫn		VND	VND
I. CÁP ĐƠN - HẠ THỂ (Cu/PVC)								
1	Cáp CV-10	7	Compact			m	36,818	40,500
2	Cáp CV-16	7	Compact			m	60,000	66,000
3	Cáp CV-25	7	Compact			m	95,455	105,000
4	Cáp CV-35	7	Compact			m	130,909	144,000
5	Cáp CV-50	7	Compact			m	181,818	200,000
6	Cáp CV-70	19	Compact			m	256,364	282,000
7	Cáp CV-95	19	Compact			m	351,818	387,000
8	Cáp CV-120	19	Compact			m	441,818	486,000
9	Cáp CV-150	19	Compact			m	550,909	606,000
10	Cáp CV-185	37	Compact			m	690,909	760,000
11	Cáp CV-240	37	Compact			m	899,727	989,700
12	Cáp CV-300	61	Compact			m	1,101,364	1,211,500
13	Cáp CV-400	61	Compact			m	1,416,091	1,557,700
II. CÁP 1 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
14	Cáp CVV-(1x2,5)	7	2,01			m	13,045	14,350
15	Cáp CVV-(1x4)	7	2,55			m	19,000	20,900
16	Cáp CVV-(1x6)	7	3,12			m	26,727	29,400
17	Cáp CVV-(1x10)	7	Compact			m	39,364	43,300
18	Cáp CVV-(1x16)	7	Compact			m	63,273	69,600
19	Cáp CVV-(1x25)	7	Compact			m	101,364	111,500
20	Cáp CVV-(1x35)	7	Compact			m	138,091	151,900
21	Cáp CVV-(1x50)	7	Compact			m	186,364	205,000
22	Cáp CVV-(1x70)	19	Compact			m	263,636	290,000
23	Cáp CVV-(1x95)	19	Compact			m	368,182	405,000
24	Cáp CVV-(1x120)	19	Compact			m	462,727	509,000
25	Cáp CVV-(1x150)	19	Compact			m	580,909	639,000
26	Cáp CVV-(1x185)	37	Compact			m	729,091	802,000
27	Cáp CVV-(1x240)	37	Compact			m	914,182	1,005,600
28	Cáp CVV-(1x300)	61	Compact			m	1,206,364	1,327,000
29	Cáp CVV-(1x400)	61	Compact			m	1,436,364	1,580,000
III. CÁP 2 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
30	Cáp CVV-(2x4)	7	2,55			m	38,091	41,900
31	Cáp CVV-(2x6)	7	3,12			m	52,818	58,100
32	Cáp CVV-(2x10)	7	Compact			m	80,273	88,300
33	Cáp CVV-(2x16)	7	Compact			m	136,364	150,000
34	Cáp CVV-(2x25)	7	Compact			m	199,273	219,200

35	Cáp CVV-(2x35)	7	Compact			m	267,455	294,200
36	Cáp CVV-(2x50)	7	Compact			m	361,818	398,000
37	Cáp CVV-(2x70)	19	Compact			m	498,182	548,000
38	Cáp CVV-(2x95)	19	Compact			m	681,818	750,000
39	Cáp CVV-(2x120)	19	Compact			m	890,545	979,600
40	Cáp CVV-(2x150)	19	Compact			m	1,056,364	1,162,000
41	Cáp CVV-(2x185)	37	Compact			m	1,311,818	1,443,000
42	Cáp CVV-(2x240)	37	Compact			m	1,715,455	1,887,000
43	Cáp CVV-(2x300)	61	Compact			m	2,150,000	2,365,000
44	Cáp CVV-(2x400)	61	Compact			m	2,740,000	3,014,000

IV. CÁP 3 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)

45	Cáp CVV-(3x4)	7	2,55			m	56,636	62,300
46	Cáp CVV-(3x6)	7	3,12			m	78,727	86,600
47	Cáp CVV-(3x10)	7	Compact			m	117,545	129,300
48	Cáp CVV-(3x16)	7	Compact			m	184,545	203,000
49	Cáp CVV-(3x25)	7	Compact			m	288,182	317,000
50	Cáp CVV-(3x35)	7	Compact			m	388,182	427,000
51	Cáp CVV-(3x50)	7	Compact			m	566,364	623,000
52	Cáp CVV-(3x70)	19	Compact			m	744,545	819,000
53	Cáp CVV-(3x95)	19	Compact			m	1,007,273	1,108,000
54	Cáp CVV-(3x120)	19	Compact			m	1,259,091	1,385,000

V. CÁP (3+1) LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)

55	Cáp CVV-(3x2,5+1x1,5)	7	2,01	7	1,56	m	48,909	53,800
56	Cáp CVV-(3x4+1x2,5)	7	2,55	7	2,01	m	71,636	78,800
57	Cáp CVV-(3x6+1x4)	7	3,12	7	2,55	m	100,000	110,000
58	Cáp CVV-(3x10+1x6)	7	Compact	7	3,12	m	153,455	168,800
59	Cáp CVV-(3x16+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	233,000	256,300
60	Cáp CVV-(3x25+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	354,000	389,400
61	Cáp CVV-(3x35+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	464,818	511,300
62	Cáp CVV-(3x35+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	502,273	552,500
63	Cáp CVV-(3x50+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	648,909	713,800
64	Cáp CVV-(3x50+1x35)	7	Compact	7	Compact	m	687,545	756,300
65	Cáp CVV-(3x70+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	900,000	990,000
66	Cáp CVV-(3x70+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	954,545	1,050,000
67	Cáp CVV-(3x95+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,238,636	1,362,500
68	Cáp CVV-(3x95+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,312,545	1,443,800
69	Cáp CVV-(3x120+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,568,182	1,725,000
70	Cáp CVV-(3x120+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,670,455	1,837,500
71	Cáp CVV-(3x150+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,886,364	2,075,000
72	Cáp CVV-(3x150+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,994,545	2,194,000
73	Cáp CVV-(3x150+1x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,079,545	2,287,500
74	Cáp CVV-(3x185+1x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,386,364	2,625,000
75	Cáp CVV-(3x185+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,494,364	2,743,800
76	Cáp CVV-(3x185+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	2,595,455	2,855,000
77	Cáp CVV-(3x240+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,098,182	3,408,000
78	Cáp CVV-(3x240+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,215,455	3,537,000
79	Cáp CVV-(3x240+1x185)	37	Compact	37	Compact	m	3,348,182	3,683,000
80	Cáp CVV (3x300 + 1x150)	61	Compact	19	Compact	m	3,879,091	4,267,000
81	Cáp CVV-(3x300+1x185)	61	Compact	37	Compact	m	4,011,818	4,413,000
82	Cáp CVV-(3x300+1x240)	61	Compact	37	Compact	m	4,218,182	4,640,000

VI. CÁP 4 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)

83	Cáp CVV-(4x4)	7	2,55			m	73,455	80,800
84	Cáp CVV-(4x6)	7	3,12			m	101,818	112,000
85	Cáp CVV-(4x10)	7	Compact			m	155,273	170,800
86	Cáp CVV-(4x16)	7	Compact			m	241,273	265,400
87	Cáp CVV-(4x25)	7	Compact			m	379,727	417,700

Q. TH
 Q. TH
 Q. TH

88	Cáp CVV-(4x35)	7	Compact			m	503,636	554,000
89	Cáp CVV-(4x50)	7	Compact			m	663,636	730,000
90	Cáp CVV-(4x70)	19	Compact			m	954,545	1,050,000
91	Cáp CVV-(4x95)	19	Compact			m	1,335,455	1,469,000
92	Cáp CVV-(4x120)	19	Compact			m	1,658,182	1,824,000
93	Cáp CVV-(4x150)	19	Compact			m	1,965,455	2,162,000
94	Cáp CVV-(4x185)	37	Compact			m	2,570,909	2,828,000
95	Cáp CVV-(4x240)	37	Compact			m	3,220,000	3,542,000
96	Cáp CVV-(4x300)	61	Compact			m	4,209,091	4,630,000
VII. CÁP 1 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
97	Cáp CXV-(1x1,5)	7	1,56			m	7,818	8,600
98	Cáp CXV-(1x2,5)	7	2,01			m	11,818	13,000
99	Cáp CXV-(1x4)	7	2,55			m	18,091	19,900
100	Cáp CXV-(1x6)	7	3,12			m	26,273	28,900
101	Cáp CXV-(1x10)	7	Compact			m	38,818	42,700
102	Cáp CXV-(1x16)	7	Compact			m	62,364	68,600
103	Cáp CXV-(1x25)	7	Compact			m	99,091	109,000
104	Cáp CXV-(1x35)	7	Compact			m	135,455	149,000
105	Cáp CXV-(1x50)	7	Compact			m	186,364	205,000
106	Cáp CXV-(1x70)	19	Compact			m	263,636	290,000
107	Cáp CXV-(1x95)	19	Compact			m	368,091	404,900
108	Cáp CXV-(1x120)	19	Compact			m	455,455	501,000
109	Cáp CXV-(1x150)	19	Compact			m	570,909	628,000
110	Cáp CXV-(1x185)	37	Compact			m	717,273	789,000
111	Cáp CXV-(1x240)	37	Compact			m	900,000	990,000
112	Cáp CXV-(1x300)	61	Compact			m	1,180,000	1,298,000
113	Cáp CXV-(1x400)	61	Compact			m	1,531,818	1,685,000
VIII. CÁP 2 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
114	Cáp CXV-(2x1,5)	7	1,56			m	17,091	18,800
115	Cáp CXV-(2x2,5)	7	2,01			m	26,818	29,500
116	Cáp CXV-(2x4)	7	2,55			m	38,182	42,000
117	Cáp CXV-(2x6)	7	3,12			m	55,455	61,000
118	Cáp CXV-(2x10)	7	Compact			m	85,455	94,000
119	Cáp CXV-(2x16)	7	Compact			m	131,182	144,300
120	Cáp CXV-(2x25)	7	Compact			m	200,000	220,000
121	Cáp CXV-(2x35)	7	Compact			m	272,273	299,500
122	Cáp CXV-(2x50)	7	Compact			m	372,727	410,000
123	Cáp CXV-(2x70)	19	Compact			m	540,909	595,000
124	Cáp CXV-(2x95)	19	Compact			m	738,182	812,000
125	Cáp CXV-(2x120)	19	Compact			m	900,000	990,000
126	Cáp CXV-(2x150)	19	Compact			m	1,123,636	1,236,000
IX. CÁP 3 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
127	Cáp CXV-(3x1,5)	7	1,56			m	26,818	29,500
128	Cáp CXV-(3x2,5)	7	2,01			m	38,818	42,700
129	Cáp CXV-(3x4)	7	2,55			m	56,636	62,300
130	Cáp CXV-(3x6)	7	3,12			m	80,818	88,900
131	Cáp CXV-(3x10)	7	Compact			m	125,909	138,500
132	Cáp CXV-(3x16)	7	Compact			m	188,818	207,700
133	Cáp CXV-(3x25)	7	Compact			m	300,273	330,300
134	Cáp CXV-(3x35)	7	Compact			m	408,364	449,200
135	Cáp CXV-(3x50)	7	Compact			m	600,636	660,700
136	Cáp CXV-(3x70)	19	Compact			m	811,364	892,500
137	Cáp CXV-(3x95)	19	Compact			m	1,071,818	1,179,000
138	Cáp CXV-(3x120)	19	Compact			m	1,326,364	1,459,000
139	Cáp CXV-(3x150)	19	Compact			m	1,665,455	1,832,000
140	Cáp CXV-(3x185)	37	Compact			m	2,090,909	2,300,000

141	Cáp CXV-(3x240)	37	Compact			m	2,663,636	2,930,000
142	Cáp CXV-(3x300)	61	Compact			m	3,440,909	3,785,000
143	Cáp CXV-(3x400)	61	Compact			m	4,447,273	4,892,000
X. CÁP (3+1) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
144	Cáp CXV-(3x2,5+1x1,5)	7	2,01	7	1,56	m	45,091	49,600
145	Cáp CXV-(3x4+1x2,5)	7	2,55	7	2,01	m	66,091	72,700
146	Cáp CXV-(3x6+1x4)	7	3,12	7	2,55	m	95,455	105,000
147	Cáp CXV-(3x10+1x6)	7	Compact	7	3,12	m	146,909	161,600
148	Cáp CXV-(3x16+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	227,273	250,000
149	Cáp CXV-(3x25+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	325,000	357,500
150	Cáp CXV-(3x25+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	445,455	490,000
151	Cáp CXV-(3x35+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	470,909	518,000
152	Cáp CXV-(3x35+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	609,091	670,000
153	Cáp CXV-(3x50+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	700,636	770,700
154	Cáp CXV-(3x50+1x35)	7	Compact	7	Compact	m	863,636	950,000
155	Cáp CXV-(3x70+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	948,182	1,043,000
156	Cáp CXV-(3x70+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,227,273	1,350,000
157	Cáp CXV-(3x95+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,308,182	1,439,000
158	Cáp CXV-(3x95+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,500,000	1,650,000
159	Cáp CXV-(3x120+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,640,909	1,805,000
160	Cáp CXV-(3x120+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,800,000	1,980,000
161	Cáp CXV-(3x150+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,990,000	2,189,000
162	Cáp CXV-(3x150+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,089,091	2,298,000
163	Cáp CXV-(3x150+1x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,318,182	2,550,000
164	Cáp CXV-(3x185+1x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,525,455	2,778,000
165	Cáp CXV-(3x185+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,613,636	2,875,000
166	Cáp CXV-(3x185+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,018,182	3,320,000
167	Cáp CXV-(3x240+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,127,273	3,440,000
168	Cáp CXV-(3x240+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,280,909	3,609,000
169	Cáp CXV-(3x240+1x185)	37	Compact	37	Compact	m	3,827,273	4,210,000
170	Cáp CXV-(3x300+1x150)	61	Compact	19	Compact	m	3,954,545	4,350,000
171	Cáp CXV-(3x300+1x185)	61	Compact	37	Compact	m	4,281,818	4,710,000
172	Cáp CXV-(3x300+1x240)	61	Compact	37	Compact	m	4,327,273	4,760,000
XI. CÁP 4 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
173	Cáp CXV-(4x1,5)	7	1,56			m	33,636	37,000
174	Cáp CXV-(4x2,5)	7	2,01			m	50,000	55,000
175	Cáp CXV-(4x4)	7	2,55			m	70,000	77,000
176	Cáp CXV-(4x6)	7	3,12			m	104,545	115,000
177	Cáp CXV-(4x10)	7	Compact			m	163,636	180,000
178	Cáp CXV-(4x16)	7	Compact			m	250,000	275,000
179	Cáp CXV-(4x25)	7	Compact			m	400,000	440,000
180	Cáp CXV-(4x35)	7	Compact			m	554,545	610,000
181	Cáp CXV-(4x50)	7	Compact			m	781,818	860,000
182	Cáp CXV-(4x70)	19	Compact			m	1,081,818	1,190,000
183	Cáp CXV-(4x95)	19	Compact			m	1,477,273	1,625,000
184	Cáp CXV-(4x120)	19	Compact			m	1,827,273	2,010,000
185	Cáp CXV-(4x150)	19	Compact			m	2,294,545	2,524,000
186	Cáp CXV-(4x185)	37	Compact			m	2,875,455	3,163,000
187	Cáp CXV-(4x240)	37	Compact			m	3,610,909	3,972,000
188	Cáp CXV-(4x300)	61	Compact			m	4,585,455	5,044,000
189	Cáp CXV-(4x400)	61	Compact			m	5,943,636	6,538,000
XII. CÁP (3+2) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
190	Cáp CXV-(3x2,5+2x1,5)	7	2,01	7	1,56	m	53,455	58,800
191	Cáp CXV-(3x4+2x2,5)	7	2,55	7	2,01	m	78,727	86,600
192	Cáp CXV-(3x6+2x4)	7	3,12	7	2,55	m	112,545	123,800
193	Cáp CXV-(3x10+2x6)	7	Compact	7	3,12	m	171,818	189,000

194	Cáp CXV-(3x16+2x10)	7	Compact	7	Compact	m	267,273	294,000
195	Cáp CXV-(3x25+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	402,727	443,000
196	Cáp CXV-(3x35+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	512,727	564,000
197	Cáp CXV-(3x35+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	577,273	635,000
198	Cáp CXV-(3x50+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	721,818	794,000
199	Cáp CXV-(3x50+2x35)	7	Compact	7	Compact	m	793,636	873,000
200	Cáp CXV-(3x70+2x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,009,091	1,110,000
201	Cáp CXV-(3x70+2x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,081,818	1,190,000
202	Cáp CXV-(3x95+2x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,356,364	1,492,000
203	Cáp CXV-(3x95+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,493,636	1,643,000
204	Cáp CXV-(3x120+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,741,818	1,916,000
205	Cáp CXV-(3x120+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,950,909	2,146,000
206	Cáp CXV-(3x150+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,066,364	2,273,000
207	Cáp CXV-(3x150+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,265,455	2,492,000
208	Cáp CXV-(3x150+2x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,422,727	2,665,000
209	Cáp CXV-(3x185+2x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,639,091	2,903,000
210	Cáp CXV-(3x185+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,812,727	3,094,000
211	Cáp CXV-(3x185+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,029,091	3,332,000
212	Cáp CXV-(3x240+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,389,091	3,728,000
213	Cáp CXV-(3x240+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,605,455	3,966,000
214	Cáp CXV-(3x240+2x185)	37	Compact	37	Compact	m	3,865,455	4,252,000
215	Cáp CXV-(3x300+2x150)	61	Compact	19	Compact	m	4,254,545	4,680,000
216	Cáp CXV-(3x300+2x185)	61	Compact	37	Compact	m	4,470,909	4,918,000
217	Cáp CXV-(3x300+2x240)	61	Compact	37	Compact	m	4,874,545	5,362,000
XIII. CÁP NGẦM 1 LỖI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC)								
218	Cáp CXV/DATA-(1x10)	7	Compact			m	53,091	58,400
219	Cáp CXV/DATA-(1x16)	7	Compact			m	76,273	83,900
220	Cáp CXV/DATA-(1x25)	7	Compact			m	113,636	125,000
221	Cáp CXV/DATA-(1x35)	7	Compact			m	150,000	165,000
222	Cáp CXV/DATA-(1x50)	7	Compact			m	200,000	220,000
223	Cáp CXV/DATA-(1x70)	19	Compact			m	290,909	320,000
224	Cáp CXV/DATA-(1x95)	19	Compact			m	390,909	430,000
225	Cáp CXV/DATA-(1x120)	19	Compact			m	486,364	535,000
226	Cáp CXV/DATA-(1x150)	19	Compact			m	600,000	660,000
227	Cáp CXV/DATA-(1x185)	37	Compact			m	754,545	830,000
228	Cáp CXV/DATA-(1x240)	37	Compact			m	954,545	1,050,000
229	Cáp CXV/DATA-(1x300)	61	Compact			m	1,227,273	1,350,000
230	Cáp CXV/DATA-(1x400)	61	Compact			m	1,590,909	1,750,000
XIV. CÁP NGẦM 2 LỖI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)								
231	Cáp CXV/DSTA-(2x1,5)	7	1,56			m	27,273	30,000
232	Cáp CXV/DSTA-(2x2,5)	7	2,01			m	39,091	43,000
233	Cáp CXV/DSTA-(2x4)	7	2,55			m	50,000	55,000
234	Cáp CXV/DSTA-(2x6)	7	3,12			m	65,455	72,000
235	Cáp CXV/DSTA-(2x10)	7	Compact			m	94,545	104,000
236	Cáp CXV/DSTA-(2x16)	7	Compact			m	146,364	161,000
237	Cáp CXV/DSTA-(2x25)	7	Compact			m	218,182	240,000
238	Cáp CXV/DSTA-(2x35)	7	Compact			m	295,455	325,000
239	Cáp CXV/DSTA-(2x50)	7	Compact			m	390,909	430,000
240	Cáp CXV/DSTA-(2x70)	19	Compact			m	563,636	620,000
241	Cáp CXV/DSTA-(2x95)	19	Compact			m	772,727	850,000
242	Cáp CXV/DSTA-(2x120)	19	Compact			m	981,818	1,080,000
243	Cáp CXV/DSTA-(2x150)	19	Compact			m	1,181,818	1,300,000
XV. CÁP NGẦM 3 LỖI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)								
244	Cáp CXV/DSTA-(3x1,5)	7	1,56			m	39,091	43,000
245	Cáp CXV/DSTA-(3x2,5)	7	2,01			m	50,000	55,000
246	Cáp CXV/DSTA-(3x4)	7	2,55			m	66,364	73,000

12/11/2011

247	Cáp CXV/DSTA-(3x6)	7	3,12			m	90,909	100,000
248	Cáp CXV/DSTA-(3x10)	7	Compact			m	140,909	155,000
249	Cáp CXV/DSTA-(3x16)	7	Compact			m	204,545	225,000
250	Cáp CXV/DSTA-(3x25)	7	Compact			m	322,727	355,000
251	Cáp CXV/DSTA-(3x35)	7	Compact			m	436,364	480,000
252	Cáp CXV/DSTA-(3x50)	7	Compact			m	609,091	670,000
253	Cáp CXV/DSTA-(3x70)	19	Compact			m	854,545	940,000
254	Cáp CXV/DSTA-(3x95)	19	Compact			m	1,136,364	1,250,000
255	Cáp CXV/DSTA-(3x120)	19	Compact			m	1,384,545	1,523,000
256	Cáp CXV/DSTA-(3x150)	19	Compact			m	1,727,273	1,900,000
257	Cáp CXV/DSTA-(3x185)	37	Compact			m	2,163,636	2,380,000
258	Cáp CXV/DSTA-(3x240)	37	Compact			m	2,758,182	3,034,000
259	Cáp CXV/DSTA-(3x300)	61	Compact			m	3,454,545	3,800,000
260	Cáp CXV/DSTA-(3x400)	61	Compact			m	4,454,545	4,900,000

XVI. CÁP NGẦM (3+1) LỖI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)

261	Cáp CXV/DSTA-(3x2,5+1x1.5)	7	2,01	7	1,56	m	55,455	61,000
262	Cáp CXV/DSTA-(3x4+1x2.5)	7	2,55	7	2,01	m	80,909	89,000
263	Cáp CXV/DSTA-(3x6+1x4)	7	3,12	7	2,55	m	113,636	125,000
264	Cáp CXV/DSTA-(3x10+1x6)	7	Compact	7	3,12	m	163,636	180,000
265	Cáp CXV/DSTA-(3x16+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	245,455	270,000
266	Cáp CXV/DSTA-(3x25+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	352,727	388,000
267	Cáp CXV/DSTA-(3x25+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	465,455	512,000
268	Cáp CXV/DSTA-(3x35+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	500,000	550,000
269	Cáp CXV/DSTA-(3x35+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	627,273	690,000
270	Cáp CXV/DSTA-(3x50+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	722,727	795,000
271	Cáp CXV/DSTA-(3x50+1x35)	7	Compact	7	Compact	m	900,000	990,000
272	Cáp CXV/DSTA-(3x70+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,000,000	1,100,000
273	Cáp CXV/DSTA-(3x70+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,272,727	1,400,000
274	Cáp CXV/DSTA-(3x95+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,372,727	1,510,000
275	Cáp CXV/DSTA-(3x95+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,572,727	1,730,000
276	Cáp CXV/DSTA-(3x120+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,727,273	1,900,000
277	Cáp CXV/DSTA-(3x120+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,818,182	2,000,000
278	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,045,455	2,250,000
279	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,154,545	2,370,000
280	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,390,909	2,630,000
281	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,609,091	2,870,000
282	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,709,091	2,980,000
283	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,045,455	3,350,000
284	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,181,818	3,500,000
285	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,381,818	3,720,000
286	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x185)	37	Compact	37	Compact	m	3,927,273	4,320,000
287	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x150)	61	Compact	19	Compact	m	4,045,455	4,450,000
288	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x185)	61	Compact	37	Compact	m	4,318,182	4,750,000
289	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x240)	61	Compact	37	Compact	m	4,500,000	4,950,000

XVII. CÁP NGẦM 4 LỖI - HẠ THẾ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)

290	Cáp CXV/DSTA-(4x1,5)	7	1,56			m	45,455	50,000
291	Cáp CXV/DSTA-(4x2,5)	7	2,01			m	61,818	68,000
292	Cáp CXV/DSTA-(4x4)	7	2,55			m	83,636	92,000
293	Cáp CXV/DSTA-(4x6)	7	3,12			m	115,455	127,000
294	Cáp CXV/DSTA-(4x10)	7	Compact			m	179,091	197,000
295	Cáp CXV/DSTA-(4x16)	7	Compact			m	272,727	300,000
296	Cáp CXV/DSTA-(4x25)	7	Compact			m	436,364	480,000
297	Cáp CXV/DSTA-(4x35)	7	Compact			m	590,909	650,000
298	Cáp CXV/DSTA-(4x50)	7	Compact			m	863,636	950,000
299	Cáp CXV/DSTA-(4x70)	19	Compact			m	1,154,545	1,270,000
300	Cáp CXV/DSTA-(4x95)	19	Compact			m	1,590,909	1,750,000

301	Cáp C XV/DSTA-(4x120)	19	Compact			m	1,954,545	2,150,000
302	Cáp C XV/DSTA-(4x150)	19	Compact			m	2,409,091	2,650,000
303	Cáp C XV/DSTA-(4x185)	37	Compact			m	3,018,182	3,320,000
304	Cáp C XV/DSTA-(4x240)	37	Compact			m	3,772,727	4,150,000
305	Cáp C XV/DSTA-(4x300)	61	Compact			m	4,740,909	5,215,000
306	Cáp C XV/DSTA-(4x400)	61	Compact			m	6,136,364	6,750,000

XVIII. CÁP NGẦM (3+2) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)

307	Cáp C XV/DSTA-(3x2,5+2x1.5)	7	2,01	7	1,56	m	66,364	73,000
308	Cáp C XV/DSTA-(3x4+2x2.5)	7	2,55	7	2,01	m	91,818	101,000
309	Cáp C XV/DSTA-(3x6+2x4)	7	3,12	7	2,55	m	131,818	145,000
310	Cáp C XV/DSTA-(3x10+2x6)	7	Compact	7	3,12	m	189,091	208,000
311	Cáp C XV/DSTA-(3x16+2x10)	7	Compact	7	Compact	m	280,000	308,000
312	Cáp C XV/DSTA-(3x25+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	430,000	473,000
313	Cáp C XV/DSTA-(3x35+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	536,364	590,000
314	Cáp C XV/DSTA-(3x35+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	634,545	698,000
315	Cáp C XV/DSTA-(3x50+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	776,364	854,000
316	Cáp C XV/DSTA-(3x50+2x35)	7	Compact	7	Compact	m	833,636	917,000
317	Cáp C XV/DSTA-(3x70+2x35)	19	Compact	7	Compact	m	1,033,636	1,137,000
318	Cáp C XV/DSTA-(3x70+2x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,174,545	1,292,000
319	Cáp C XV/DSTA-(3x95+2x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,436,364	1,580,000
320	Cáp C XV/DSTA-(3x95+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,563,636	1,720,000
321	Cáp C XV/DSTA (3x120+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,836,364	2,020,000
322	Cáp C XV/DSTA-(3x120+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,024,545	2,227,000
323	Cáp C XV/DSTA-(3x150+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	2,254,545	2,480,000
324	Cáp C XV/DSTA-(3x150+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,339,091	2,573,000
325	Cáp C XV/DSTA-(3x150+2x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,570,000	2,827,000
326	Cáp C XV/DSTA-(3x185+2x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,738,182	3,012,000
327	Cáp C XV/DSTA-(3x185+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,969,091	3,266,000
328	Cáp C XV/DSTA-(3x185+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,304,545	3,635,000
329	Cáp C XV/DSTA-(3x240+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,524,545	3,877,000
330	Cáp C XV/DSTA-(3x240+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,829,091	4,212,000
331	Cáp C XV/DSTA-(3x240+2x185)	37	Compact	37	Compact	m	4,027,273	4,430,000
332	Cáp C XV/DSTA-(3x300+2x150)	61	Compact	19	Compact	m	4,321,818	4,754,000
333	Cáp C XV/DSTA-(3x300+2x185)	61	Compact	37	Compact	m	4,636,364	5,100,000
334	Cáp C XV/DSTA-(3x300+2x240)	61	Compact	37	Compact	m	5,013,636	5,515,000

Thông tin : TRẦN PHÚ - TRAFUCO

ĐC: Số 41 Phương Liệt, P. Phương liệt, Q.Thanh Xuân, HN

Website: tranphu.com.vn (<http://tranphucable.com.vn/>)

Email: Contact@tranphu.vn

Tel: 0243.869.1172 **Hotline:** 0898 414141

HÀ NỘI, ngày 30 Tháng 06 năm 2021

TRẦN PHÚ **TỔNG GIÁM ĐỐC**

GIÁM ĐỐC KINH DOANH



TRỊNH VĂN ĐỨC